

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC X - T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HS-ST

Ngày: 25-7-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X - T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hương

Bà Nguyễn Thị Hồng Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực X - T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - T tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực X - T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, tên gọi khác: Không, sinh ngày 01/01/1976, tại L (nay là T); nơi cư trú: ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh L (nay là ấp 3 T, xã T, tỉnh T); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn U (chết) và bà Võ Thị T (chết); vợ Võ Ngọc H (không đăng ký kết hôn), có 01 con; tiền sự: không; tiền án:

- Bản án số 69/HSST ngày 18/5/2000 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù tại Trại giam C Bộ Công an (Cục V26) ngày 02/5/2002, chưa xóa án tích.

- Bản án số 22/2007/HSST ngày 31/7/2007 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh L xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án tại Trại giam P, Tổng cục VIII, đến ngày 16/01/2011 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 20/11/2015 chấp hành xong bản án, chưa xóa án tích.

- Bản án số 56/2012/HSST ngày 11/6/2012, của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xét xử 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án tại Trại giam M, Tổng cục VIII, đến ngày 23/3/2017 chấp hành xong bản án, chưa xóa án tích.

- Bản án số 43/2020/HS-ST ngày 25/5/2020, của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xét xử 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án tại Trại giam T, đến ngày 29/11/2023 chấp hành xong hình phạt tù, chưa xóa án tích.

Nhân thân:

Năm 1997 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh V xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thi hành án xong tháng 5/1999.

Bị can bị tạm giữ từ ngày 09/02/2025 đến ngày 18/02/2025 chuyển tạm giam cho đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực III thuộc Trại Tạm giam số 2, tỉnh T

- *Bị hại*: Nguyễn Huy C, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện B, tỉnh L (nay là ấp X T, xã T, tỉnh T). Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn L có 04 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, do không có việc làm, L nảy sinh ý định trộm tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 08/02/2025, L đi bộ một mình theo đường kênh T4 thuộc Ấp X, xã T, huyện B, tỉnh L (nay thuộc Ấp X-T, xã T, tỉnh T), đến khoảng 00 giờ 50 phút ngày 09/02/2025 L đi ngang nhà anh Nguyễn Huy C, L đi phía sau nhà anh C thấy bên trong nhà có bật đèn và cửa phía sau không khóa. L đẩy cửa đi vào nhìn bên trái thấy phòng anh C không khóa, L kéo cửa nhìn vào thấy anh C đang ngủ say nên mở cửa đi vào phòng phát hiện 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 13 màu đen của anh C để trên đầu ti vi đang sạc pin, L rút dây lấy điện thoại bỏ túi áo. Sau đó, L quan sát xung quanh nhìn thấy túi xách để dưới đất cạnh tủ quần áo, L cầm túi xách rời khỏi phòng ra phía sau nhà lục bên trong túi xách được 1.800.000đ, L lấy tiền bỏ vào ví của L và bỏ túi xách lại đi theo đường cũ về nhà. Đến sáng ngày 09/02/2025, anh C thức giấc phát hiện mất tài sản nên đến Công an xã T trình báo, Công an xã T mời L về trụ sở làm việc thì thừa nhận toàn bộ hành vi trộm nhà anh C và nộp lại tài sản đã trộm.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐG, ngày 11/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, định giá và kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 13 màu đen, trị giá 2.500.000đ.

Tại Bản Cáo trạng số 03/CT-VKSKV4 ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Viện kiểm sát khu vực X - T truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực X truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan, không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại về kết luận giám định, đồng thời không khiếu nại đối với Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X tham gia phiên tòa vẫn giữ y quan điểm như Cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật, đồng thời phân tích đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn L mức hình phạt từ 02 năm đến 03 năm tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn L theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Về xử lý vật chứng:

01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 13 màu đen; Tiền Việt Nam 1.800.000đ thuộc sở hữu của anh C, CQĐT đã trả cho anh C xong nên không đề nghị xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Huy C đã nhận lại tài sản xong không yêu cầu gì thêm về dân sự nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B (nay là Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực X – T), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại trong quá trình điều tra, phù hợp với Bản ảnh hiện trường, phù hợp với bản kết luận về định giá tài sản số 04/KL-HĐĐG, ngày 11/02/2025 của Hội đồng định giá tài

sản trong tổ tụng hình sự và phù hợp với nội dung Bản cáo trạng. Trên cơ sở đó có căn cứ xác định: Xuất phát từ động cơ chây lười lao động muốn có tiền tiêu xài cá nhân không phải bỏ công sức lao động nên khoảng 00 giờ 50 phút ngày 09/02/2025, bị cáo Nguyễn Văn L lén lút vào nhà anh Nguyễn Huy C, tại Ấp 2, xã T, huyện B (nay thuộc Ấp 2-T, xã T, tỉnh T) lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 13 màu đen, trị giá 2.500.000đ và 1.800.000đ, tổng giá trị tài sản anh C bị trộm là 4.300.000đ.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - T truy tố bị cáo Nguyễn Văn L với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản mà bị cáo Nguyễn Văn L gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi này đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, quyền này được pháp luật hình sự bảo vệ, nếu người nào cố tình xâm hại thì sẽ bị pháp luật trừng phạt. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm hại trực tiếp đến tài sản đang thuộc sở hữu của bị hại, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo có 04 tiền án và 01 nhân thân về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng bị cáo không biết ăn năn hối cải mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội tương tự. Do đó, hành vi của bị cáo cần được xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự, có mức án phù hợp, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng trừng phạt, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Văn L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Xét quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị xử phạt tù và mức hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn L là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn L còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 50.000.000đồng. Tuy nhiên, xét thấy theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 13 màu đen; Tiền Việt Nam 1.800.000đ thuộc sở hữu của anh C, CQĐT đã trả cho anh C xong nên không xem xét.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Huy C đã nhận lại tài sản xong không yêu cầu gì thêm về dân sự nên không xem xét.

[8]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 09/02/2025.

1.2. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn L 45 ngày kể từ ngày tuyên án (25/7/2025) để đảm bảo thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn L nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Án xử sơ thẩm công khai. Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh T;
- VKSND Khu vực X;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh T;
- Thi hành án dân sự tỉnh T;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Thanh